

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 27

Số: *12500* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1130-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		829.931.052.140	790.101.724.513
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99.893.456.235	63.993.759.717
1. Tiền	111		99.836.056.235	63.936.359.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.400.000	57.400.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		247.512.150.189	319.362.583.208
1. Phải thu khách hàng	131		222.716.050.403	204.878.390.851
2. Trả trước cho người bán	132		17.917.387.055	16.016.240.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	7.633.927.187	40.125.233.537
4. Các khoản phải thu khác	135	7	15.732.033.237	71.877.113.770
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.487.247.693)	(13.534.395.400)
III. Hàng tồn kho	140	8	469.291.126.488	399.260.716.830
1. Hàng tồn kho	141		469.291.126.488	399.260.716.830
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.234.319.228	7.484.664.758
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		329.268.199	123.323.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.076.994.372	4.816.159.947
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		76.313.506	34.055.524
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.751.743.151	2.511.125.379
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		579.949.519.003	397.007.442.022
I. Tài sản cố định	220		157.253.440.756	122.810.362.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	67.983.286.798	60.793.248.396
- Nguyên giá	222		189.807.196.280	172.972.559.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.823.909.482)	(112.179.311.214)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.649.974.085	-
- Nguyên giá	228		3.814.284.398	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.164.310.313)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	86.620.179.873	62.017.114.173
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		362.156.922.059	243.170.914.478
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	300.000.000.000	200.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	75.557.956.000	43.557.956.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.401.033.941)	(387.041.522)
III. Tài sản dài hạn khác	260		60.539.156.188	31.026.164.975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	60.539.156.188	31.026.164.975
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.409.880.571.143	1.187.109.166.535

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		333.049.619.278	248.840.131.626
I. Nợ ngắn hạn	310		333.049.619.278	240.756.631.226
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	117.015.960.639	76.772.150.247
2. Phải trả người bán	312		172.839.604.114	115.531.626.646
3. Người mua trả tiền trước	313		2.157.187.265	2.505.116.559
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	13.366.594.854	19.001.183.958
5. Phải trả người lao động	315		14.707.897.950	12.799.729.780
6. Chi phí phải trả	316		67.585.630	4.952.711.227
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	16.986.854.498	9.433.343.340
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(4.092.065.672)	(239.230.531)
II. Nợ dài hạn	330		-	8.083.500.400
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	-	8.083.500.400
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.076.830.951.865	938.269.034.909
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.076.830.951.865	938.269.034.909
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		650.573.900.000	602.393.780.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		466.200.000	466.200.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(12.730.000)	(12.730.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		187.241.161.225	174.466.335.669
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		49.539.977.134	42.328.616.441
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.463.604.691	16.297.687.654
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		164.997.788.815	98.768.095.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.409.880.571.143	1.187.109.166.535

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
I. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.716.116	352.436
Euro (EUR)	215	226

Nguyễn Quang Hưng

Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Phương Thảo Hiền

Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	246.850.658.993	215.235.837.593
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	20.959.911.942	16.301.110.558
- Các khoản dự phòng	03	15.966.844.712	4.929.006.111
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	12.958.495	(491.951.340)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.272.152.434)	(1.002.040.654)
- Chi phí lãi vay	06	6.262.988.579	12.056.595.842
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	288.781.210.287	247.028.558.110
Thay đổi các khoản phải thu	09	(4.104.061.443)	16.737.785.628
Thay đổi hàng tồn kho	10	(70.030.409.658)	248.722.351.940
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	52.493.239.392	(87.006.496.771)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(23.470.959.830)	7.583.270.382
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.262.988.579)	(12.056.595.842)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(64.987.760.812)	(102.012.537.544)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.800.135.818)	(7.060.791.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	164.618.133.539	311.935.544.561
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(56.412.238.854)	(13.202.571.073)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	421.181.817	69.972.728
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(63.671.772.111)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	850.970.617	932.067.926
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(118.811.858.531)	(12.200.530.419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	801.010.792.890	911.315.116.603
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(769.045.337.731)	(1.193.982.303.973)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(42.076.966.700)	(73.095.280.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.111.511.541)	(355.762.467.470)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	35.694.763.467	(56.027.453.328)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	63.993.759.717	119.797.840.841
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	204.933.051	223.372.204
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	99.893.456.235	63.993.759.717

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Tổng Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thường từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 48.180.120.000 đồng. Do vậy, nghiệp vụ tăng vốn này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính của Tổng Công ty.



Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004. Tổng Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PLC.

Cổ đông chi phối của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,07% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,93% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 356 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 356).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 02 Công ty con như sau:

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (100% vốn của Tổng Công ty);
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (100% vốn của Tổng Công ty).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đây là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, Tổng Công ty sẽ lập báo cáo tài chính hợp nhất trong một báo cáo khác. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có thông tin đầy đủ nhất về tình hình tài chính của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013 trở đi. Tổng Công ty đã thực hiện và áp dụng Thông tư 45 trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Tổng Công ty đã thực hiện và áp dụng Thông tư 89 trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng bạc đá quý, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 17
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thuần tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền đầu tư sản văn phòng, chi phí thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền đầu tư sản văn phòng và tiền thuê đất thể hiện số tiền đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê/sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009 và Công văn số 2464/BTC-TCDN ngày 27 tháng 02 năm 2014 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	841.696.222	300.366.397
Tiền gửi ngân hàng	86.319.360.013	63.635.993.320
Tiền đang chuyển	12.675.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	57.400.000	57.400.000
	<u>99.893.456.235</u>	<u>63.993.759.717</u>

6. PHẢI THU NỘI BỘ

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex về Văn phòng tòa nhà MIPEC (i)	-	17.851.822.391
Phải thu Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex về Văn phòng tòa nhà MIPEC (i)	2.088.376.351	14.766.820.744
Các khoản khác	5.545.550.836	7.506.590.402
	<u>7.633.927.187</u>	<u>40.125.233.537</u>

- (i) Phản ánh các khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao một phần diện tích mặt sàn sử dụng làm Văn phòng cho các công ty con tại tầng 18 & 19, tòa nhà MIPEC, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vốn ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa đường	12.500.000.000	19.717.370.539
Vốn ứng trước cho Công ty TNHH Hóa chất	-	48.610.857.350
Các khoản khác	3.232.033.237	3.548.885.881
	<u>15.732.033.237</u>	<u>71.877.113.770</u>

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã kết chuyển khoản ứng trước vốn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (các công ty con của Tổng Công ty) để tăng vốn đầu tư vào 02 công ty con này.

Số dư khoản vốn ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện số vốn Tổng Công ty ứng cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex theo hợp đồng hỗ trợ vốn đầu tư số 01/2013/HĐHTVĐT ngày 16 tháng 12 năm 2013. Đây là khoản vốn hỗ trợ đầu tư cho dự án Kho Cửa Lò, có thời gian ân hạn là 18 tháng, thời gian trả nợ gốc tối đa là 12 tháng kể từ ngày hết thời gian ân hạn. Chi phí hỗ trợ vốn đầu tư được tính theo lãi suất 4 tháng Tổng Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, hoặc theo thỏa thuận giữa hai bên tại thời điểm tính chi phí hỗ trợ vốn.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	39.482.048.921	2.246.194.524
Nguyên liệu, vật liệu	219.146.079.958	169.840.044.978
Công cụ, dụng cụ	9.367.218.735	10.834.153.149
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.478.623.257	28.196.732.429
Thành phẩm, hàng hóa	174.817.155.617	188.143.591.750
Tổng	<u>469.291.126.488</u>	<u>399.260.716.830</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>469.291.126.488</u>	<u>399.260.716.830</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	3.053.581.663	1.816.809.664
Tài sản thiếu chờ xử lý	506.606.568	502.003.465
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	191.554.920	192.312.250
	<u>3.751.743.151</u>	<u>2.511.125.379</u>

1100
 CỎ
 ACH
 DE
 VIỆ
 2013

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	65.818.705.611	63.080.963.287	28.206.079.114	15.866.811.598	172.972.559.610
Tăng trong năm	17.546.176.831	7.886.169.149	1.933.643.635	1.273.213.686	28.639.203.301
- Do mua sắm	-	1.183.955.364	14.314.545	1.090.756.836	2.289.026.745
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	17.546.176.831	6.702.213.785	1.919.329.090	182.456.850	26.350.176.556
Giảm trong năm	1.729.189.484	2.975.457.246	416.004.590	6.683.915.311	11.804.566.631
- Do thanh lý, nhượng	926.448.788	-	400.304.590	288.747.297	1.615.500.675
- Giảm khác (i)	802.740.696	2.975.457.246	15.700.000	6.395.168.014	10.189.065.956
Tại ngày 31/12/2013	81.635.692.958	67.991.675.190	29.723.718.159	10.456.109.973	189.807.196.280
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	44.229.980.046	37.861.293.982	16.829.674.136	13.258.363.050	112.179.311.214
Tăng trong năm	7.589.944.756	8.205.595.567	2.720.378.955	1.279.682.351	19.795.601.629
- Trích khấu hao	7.589.944.756	8.205.595.567	2.720.378.955	1.279.682.351	19.795.601.629
Giảm trong năm	1.726.284.885	2.608.220.567	416.004.590	5.400.493.319	10.151.003.361
- Do thanh lý, nhượng	926.448.788	-	400.304.590	288.747.297	1.615.500.675
- Giảm khác (i)	799.836.097	2.608.220.567	15.700.000	5.111.746.022	8.535.502.686
Tại ngày 31/12/2013	50.093.639.917	43.458.668.982	19.134.048.501	9.137.552.082	121.823.909.482
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	31.542.053.041	24.533.006.208	10.589.669.658	1.318.557.891	67.983.286.798
Tại ngày 31/12/2012	21.588.725.565	25.219.669.305	11.376.404.978	2.608.448.548	60.793.248.396

- (i) Giảm khác phản ánh nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình có nguyên giá dưới 30.000.000 VND được phân loại lại sang công cụ, dụng cụ theo Thông tư 45.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 71.156.922.660 VND (31 tháng 12 năm 2012: 72.042.470.515 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	-
Tăng trong năm	3.814.284.398
- Mua sắm mới	3.814.284.398
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2013	3.814.284.398
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	-
Tăng trong năm	1.164.310.313
- Khấu hao trong năm	1.164.310.313
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2013	1.164.310.313
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	2.649.974.085
Tại ngày 31/12/2012	-

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	33.618.715.568	24.003.802.569
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	26.574.407.378	5.900.398.802
Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	11.004.068.768	9.399.845.906
Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.094.935.595	7.094.935.595
Nhà văn phòng Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Hai bể 1.650m ² và 03 bể 35m ²	667.078.024	667.078.024
Nhà hóa nghiệm và điều hành sản xuất kho Nhà Bè	366.145.691	366.145.691
Nhà kho 1.500m ² và trạm cân	296.650.000	4.005.872.429
Nhà văn phòng Kho Đức Giang	-	3.336.478.493
Các công trình khác	3.763.492.364	4.007.870.179
	<u>86.620.179.873</u>	<u>62.017.114.173</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Vốn đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
	VND	%	%	
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	150.000.000.000	100	100	Kinh doanh nhựa đường
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	150.000.000.000	100	100	Kinh doanh hóa chất
	<u>300.000.000.000</u>			

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Vốn thực góp đến ngày 31/12/2013	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
	VND	%	%	
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810	4.557.956.000	23,90	23,90	Xây dựng các công trình giao thông
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	66.000.000.000	43,78	43,78	Hoạt động vận tải hóa dầu
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (i)	5.000.000.000	50,00	50,00	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng
	<u>75.557.956.000</u>			

- (i) Ngày 26 tháng 8 năm 2013, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã có Công văn số 1123/PLX-HĐQT về việc giải thể và chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (PLG). Theo đó, Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã đồng ý chủ trương giải thể và chấm dứt hoạt động của PLG, thời gian hoàn thành thủ tục giải thể muộn nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, thủ tục giải thể của PLG vẫn chưa hoàn tất. Trong năm 2011, PLG đã chuyển trả vốn góp cho Tổng Công ty số tiền là 4,4 tỷ đồng và Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục Phải trả phải nộp khác (xem Thuyết minh số 18).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư dựa trên báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để xác định giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí đầu tư sản văn phòng tại tòa nhà MIPEC	23.727.058.315	24.261.250.998
Chi phí thuê đất KCN Đình Vũ	18.612.118.500	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.137.047.094	5.195.977.524
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.673.355.301	-
Chi phí quảng cáo và khác	9.389.576.978	1.568.936.453
	<u>60.539.156.188</u>	<u>31.026.164.975</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	47.272.846.465	42.161.308.287
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	21.125.000.000	3.017.841.960
Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.615.775.035	20.815.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.556.916.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	17.361.172.059	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	750.680	-
Chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	8.083.500.400	10.778.000.000
	<u>117.015.960.639</u>	<u>76.772.150.247</u>

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng, với thời hạn vay từ 1 đến 4 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn bằng đồng USD với lãi suất tiền vay là từ 1,8%/năm đến 2,8%/năm.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	607.643.369	888.912.255
Thuế nhập khẩu	-	2.524.131.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.604.998.804	14.360.258.777
Thuế, phí và lệ phí khác	1.153.952.681	1.227.881.077
	<u>13.366.594.854</u>	<u>19.001.183.958</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức	487.560.200	397.853.400
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	4.400.000.000	4.400.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	947.225.733	1.324.510.634
Các khoản phải trả khác	11.152.068.565	3.310.979.306
	<u>16.986.854.498</u>	<u>9.433.343.340</u>

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn phản ánh khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng số 39/PGBHO ngày 20 tháng 8 năm 2009, thời hạn 5 năm và thời gian ân hạn là 24 tháng, với tổng hạn mức là 32.334.000.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên là ngày 26 tháng 12 năm 2012. Mục đích vay là huy động vốn để hợp tác đầu tư dưới hình thức nhận chuyển nhượng phần diện tích sàn xây dựng của tầng 18, 19 Khối nhà Văn phòng thuộc Dự án đầu tư của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC) tại số 229 Tây Sơn, Hà Nội để làm Văn phòng cho Tổng Công ty và các công ty con. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	8.083.500.400	10.778.000.000
Trong năm thứ hai	-	8.083.500.400
Tổng cộng	<u>8.083.500.400</u>	<u>18.861.500.400</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	8.083.500.400	10.778.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>8.083.500.400</u>

T. /
 FY /
 H /
 E /
 M /
 H /

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	502.003.630.000	3.561.050.000	-	466.200.000	(12.730.000)	(2.148.154.407)	166.793.123.702	29.401.331.296	10.660.738.002	145.984.171.581	856.709.360.174
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	160.983.753.662	160.983.753.662
Cổ phiếu thưởng	100.390.150.000	-	-	-	-	(100.390.150.000)	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	108.063.361.967	12.927.285.145	5.636.949.652	(126.627.596.764)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.282.204.334)	(8.282.204.334)
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(25.099.545.000)	(25.099.545.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(48.190.484.000)	(48.190.484.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.148.154.407	-	-	-	-	2.148.154.407
Tại ngày 01/01/2013	602.393.780.000	3.561.050.000	-	466.200.000	(12.730.000)	-	174.466.335.669	42.328.616.441	16.297.687.654	98.768.095.145	938.269.034.909
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	184.675.891.133	184.675.891.133
Cổ phiếu thưởng (i)	48.180.120.000	-	-	-	-	-	(48.180.120.000)	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	-	-	-	60.954.945.556	7.211.360.693	4.165.917.037	(72.332.223.286)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.947.300.677)	(3.947.300.677)
Trả cổ tức năm 2012 (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(42.166.673.500)	(42.166.673.500)
Tại ngày 31/12/2013	650.573.900.000	3.561.050.000	-	466.200.000	(12.730.000)	-	187.241.161.225	49.539.977.134	20.463.604.691	164.997.788.815	1.076.830.951.865

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-DHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty đã biểu quyết và thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng năm 2013 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu là 4.818.012 cổ phiếu tương ứng với số tiền 48.180.120.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-DHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 bao gồm: trích Quỹ đầu tư phát triển 60.954.945.556 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính 7.211.360.693 đồng, trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 4.165.917.037 đồng, trích Quỹ thưởng Ban Điều hành 319.705.722 đồng, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.627.594.958 đồng và chia tiếp cổ tức bằng tiền là 42.166.673.500 đồng (công bố chia cổ tức năm 2012 là 90.357.157.500 đồng, trong đó đã tạm ứng trong năm 2012 là 48.190.484.000 đồng, chia tiếp trong năm 2013 là 42.166.673.500 đồng).

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Mệnh giá VND/Cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ %	Vốn góp tại ngày
		cổ phiếu		31/12/2013
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10.000	51.440.628	79,07	514.406.280.000
Các cổ đông khác	10.000	13.616.762	20,93	136.167.620.000
		65.057.390	100,00	650.573.900.000

Cổ phiếu:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	65.057.390	60.239.378
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>65.057.390</i>	<i>60.239.378</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.273	1.273
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.273</i>	<i>1.273</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.056.117	60.238.105
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>65.056.117</i>	<i>60.238.105</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/ cổ phiếu.

21. DOANH THU BÁN HÀNG

	2013	2012
	VND	VND
Dầu mỡ nhờn	2.261.403.898.658	2.154.536.543.359
Doanh thu khác	2.720.273.515	39.165.312.466
	2.264.124.172.173	2.193.701.855.825

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013	2012
	VND	VND
Dầu mỡ nhờn	1.751.257.180.914	1.746.604.272.628
Giá vốn khác	1.339.538.292	36.660.344.693
	1.752.596.719.206	1.783.264.617.321

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	491.951.340
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.409.702.768	4.084.092.437
Lãi tiền gửi ngân hàng	850.970.617	932.067.926
	4.260.673.385	5.508.111.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.262.988.579	12.056.595.842
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.958.495	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.934.804.318	4.268.737.678
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	13.013.992.419	(110.118.160)
	24.224.743.811	16.215.215.360

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thuế nhập khẩu năm trước được hoàn	5.532.449.265	5.244.311.570
Hoàn nhập quỹ trợ cấp mất việc làm	-	926.789.987
Thừa khi kiểm kê	101.045.057	734.522.013
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	421.181.817	69.972.728
Thu nhập khác	1.860.155.984	1.363.142.061
Cộng thu nhập khác	7.914.832.123	8.338.738.359
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không tham gia điều hành	418.865.727	297.430.000
Chi phí khấu hao bổ sung	-	31.604.429
Thiếu khi kiểm kê	77.334.362	197.295.791
Thuế nhập khẩu năm nay được hoàn	-	(732.425.605)
Thuế phải nộp bổ sung, tiền phạt hợp đồng	2.479.000	1.163.590.106
Chi phí khác	1.465.641.601	1.170.420.603
Cộng chi phí khác	1.964.320.690	2.127.915.324
Lợi nhuận khác	5.950.511.433	6.210.823.035

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	246.850.658.993	215.235.837.593
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	1.848.412.448	1.772.498.131
Tổng thu nhập chịu thuế	248.699.071.441	217.008.335.724
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.174.767.860	54.252.083.931

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.530.561.064.662	1.551.690.729.993
Chi phí nhân công	58.839.470.347	56.474.077.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.959.911.942	16.301.110.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.201.882.227	13.986.817.737
Chi phí khác	166.254.643.568	118.973.188.978
	1.794.816.972.746	1.757.425.924.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản trị rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	117.015.960.639	84.855.650.647
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(99.893.456.235)	(63.993.759.717)
Nợ thuần	17.122.504.404	20.861.890.930
Vốn chủ sở hữu	1.076.830.951.865	938.269.034.909
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2%	2%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.893.456.235	63.993.759.717
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.094.763.134	235.018.114.869
Tài sản tài chính khác	191.554.920	192.312.250
Tổng cộng	317.179.774.289	299.204.186.836
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	117.015.960.639	84.855.650.647
Phải trả người bán và phải trả khác	184.479.232.879	119.240.459.352
Chi phí phải trả	67.585.630	4.952.711.227
Tổng cộng	301.562.779.148	209.048.821.226

Do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	237.221.292.588	142.129.262.962	83.048.670.687	43.545.451.282
Euro (EUR)	-	-	6.119.508	6.433.714

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(4.625.178.657)	(2.957.514.350)
Euro (EUR)	183.585	193.011

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(2.340.319.213)
VND	-200	2.340.319.213
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	+200	(1.697.113.013)
VND	-200	1.697.113.013

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 6 tháng là 24.807.257.469 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 24.489.836.339 đồng) và Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 16.487.247.693 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 13.534.395.400 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.893.456.235	-	99.893.456.235
Phải thu khách hàng và phải thu khác	217.094.763.134	-	217.094.763.134
Tài sản tài chính khác	191.554.920	-	191.554.920
Cộng	317.179.774.289	-	317.179.774.289
31/12/2013			
Các khoản vay	117.015.960.639	-	117.015.960.639
Phải trả người bán và phải trả khác	184.479.232.879	-	184.479.232.879
Chi phí phải trả	67.585.630	-	67.585.630
Cộng	301.562.779.148	-	301.562.779.148
Chênh lệch thanh khoản thuần	15.616.995.141	-	15.616.995.141
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.993.759.717	-	63.993.759.717
Phải thu khách hàng và phải thu khác	235.018.114.869	-	235.018.114.869
Tài sản tài chính khác	192.312.250	-	192.312.250
Cộng	299.204.186.836	-	299.204.186.836
31/12/2012			
Các khoản vay	76.772.150.247	8.083.500.400	84.855.650.647
Phải trả người bán và phải trả khác	119.240.459.352	-	119.240.459.352
Chi phí phải trả	4.952.711.227	-	4.952.711.227
Cộng	200.965.320.826	8.083.500.400	209.048.821.226
Chênh lệch thanh khoản thuần	98.238.866.010	(8.083.500.400)	90.155.365.610

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 16 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đã ký hợp đồng hỗ trợ vốn đầu tư số 01/2013/HĐHTVĐT với Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex. Theo đó, Tổng Công ty cam kết hỗ trợ vốn cho các hạng mục đầu tư thuộc dự án Kho Thọ Quang với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh miễn ký quỹ, không hủy ngang và vô điều kiện đối với toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay vốn ngắn hạn, các khoản phí và lãi phạt chậm trả (nếu có) của các công ty con của Tổng Công ty (Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex) tại Ngân hàng The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex và Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch với tổng hạn mức tín dụng là 29.590.000 USD và 460.000.000.000 VND.

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng đã có các nghị quyết phê duyệt một số hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản với tổng số tiền là 389,53 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Công ty con
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Công ty con
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	Liên doanh của Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	Công ty liên kết

	2013	2012
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	981.107.814.860	924.235.138.248
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	1.966.814.720	15.591.784.148
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	3.838.878.975	19.620.245.583
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	51.520.445.670	71.400.560.628
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	6.432.000	19.315.800
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	471.808.506	103.028.948
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	95.759.142.578	83.430.740.796
Góp vốn		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	50.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu bán hàng		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	58.232.884.295	61.771.479.603
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	7.056.442.027	17.259.583.133
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	577.485.160	22.865.650.387
Phải thu khác		
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	12.500.000.000	19.717.370.539
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	-	48.610.857.350
Phải trả mua hàng		
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	6.647.714.494	6.105.976.007
Phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	4.400.000.000	4.400.000.000

31. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Trong tháng 02 năm 2014, Tổng Công ty phát hành thêm 01 thư cam kết bảo lãnh miễn ký quỹ, không hủy ngang và vô điều kiện đối với toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay vốn ngắn hạn, các khoản phí và lãi phạt chậm trả (nếu có) của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC - Chi nhánh Hà Nội với tổng hạn mức tín dụng là 4.500.000 USD.

Ngày 07 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, thay đổi lần thứ 15. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi là 650.573.900.000 VND.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

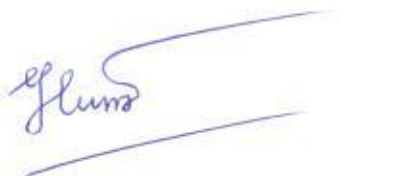
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014



Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc